

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/HS-ST
Ngày 02-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Anh Đại;

Ông Nguyễn Nhật Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 141/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/HSST-QĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1978 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số *, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và bà Lương Thị D; vợ: Triệu Mã L, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 78/2013/HSPT ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt là 04 năm tù, đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án, đã được xóa án tích; bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Hoàng Quỳnh M, sinh năm 1977; địa chỉ: Số *, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà P Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Số *, đường Đ, phường C, thành

phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; địa chỉ: Số *, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Nông Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số *, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số */*, đường N, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Chị Nông Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Chị Lương Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ: Số *, ngõ *, đường M, Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Chị Đinh Ngọc V, sinh năm 1980; địa chỉ: Số *, đường L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Số *, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Chị Triệu Mã L, sinh năm 1980; địa chỉ: Khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Anh Trương Quốc T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tiếp nhận đơn trình báo của quần chúng nhân dân về việc đối tượng Hoàng Văn T có hành vi cho vay tiền với mức lãi suất cao hơn mức quy định của Nhà nước. Ngày 03/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L triệu tập Hoàng Văn T đến làm việc, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn T. Tại địa chỉ số 03, Tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, tạm giữ trong phòng ngủ của Hoàng Văn T: 01 tờ giấy A4, ghi nội dung liên quan đến việc cho vay tiền; 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động Samsung A12 màu đen; 01 điện thoại di động Samsung A32 màu ghi; 01 điện thoại di động Samsung J5 Prime màu đen; 01 quyển sổ bìa màu xanh, kích thước 15cm x 20cm, bên trong có 26 trang có ghi nội dung; tạm giữ trong phòng ngủ của Hoàng Thế V (con trai bị cáo Hoàng Văn T) 01 quyển sổ kích thước 8,5cm x 13cm, bên trong có 08 trang có ghi nội dung. Hoàng Văn T giao nộp: 03 giấy vay tiền mang

tên P Thị N; 02 giấy vay tiền mang tên Nông Thị T; 02 giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị L; 01 giấy vay tiền mang tên Hoàng Thị P; 01 sổ hộ khẩu mang tên Trương Quốc T, là giấy vay tiền của khách và sổ hộ khẩu của khách để lại khi vay tiền.

Quá trình điều tra đã xác định từ khoảng tháng 02/2022, Hoàng Văn T bắt đầu cho vay lãi nặng dưới hình thức bát họ. Mỗi bát họ được tính bằng 10.000.000 đồng, tùy theo thỏa thuận, Hoàng Văn T cắt trước tiền lãi 2.000.000 đồng hoặc 2.500.000 đồng, người vay nhận lại được 7.500.000 đồng hoặc 8.000.000 đồng, thời gian trả 50 ngày, mỗi ngày vay phải trả 200.000đ cho đến khi đủ 10.000.000 đồng. Trong trường hợp người vay không có đủ khả năng thanh toán mà có nhu cầu vay thêm thì sau một thời gian, Hoàng Văn T yêu cầu người vay chuyển sang khoản vay mới (đáo bát), các trường hợp đáo bát, Trường sẽ trừ luôn tiền lãi, trừ tiếp số tiền người vay còn nợ ở bát cũ, như vậy bát cũ được coi như thanh toán xong. Quá trình cho vay, Hoàng Văn T tính lãi suất dựa trên số tiền vay gốc, không tính cộng dồn tiền vay gốc với tiền lãi chưa thanh toán để tính lãi.

Các trường hợp vay tiền của Hoàng Văn T được lập giấy vay tiền hoặc không cần xác lập giấy vay tiền, tùy vào mối quan hệ và thỏa thuận để tính phần trăm lãi suất khác nhau. Hằng ngày, Hoàng Văn T là người trực tiếp đi thu, nhận tiền mặt từ những người vay hoặc khách sẽ trả tiền bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản N hàng. Đối với khách vay có đưa giấy tờ cá nhân, sau một thời gian vay thì Hoàng Văn T sẽ trả lại giấy tờ cá nhân đó cho khách.

Quá trình vay, ngoài liên lạc trực tiếp, bị cáo còn liên lạc, trao đổi với khách vay qua điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu ghi, gắn sim thuê bao số 0981.942.188 để liên lạc với khách vay.

Quá trình điều tra làm rõ, bị can đã cho 11 người vay, cụ thể:

* Bà Hoàng Quỳnh M thời gian vào ngày 16/4/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 10.000.000 đồng, tương đương với 01 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà M phải trả đủ 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng. Bà Hoàng Quỳnh M đã trả 3.100.000 đồng, còn nợ 6.900.000 đồng. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 273.973 đồng, hưởng lợi bất chính 2.226.027 đồng.

* Bà P Thị N thời gian vào các ngày 14/3/2022 và 06/4/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 20.000.000 đồng, tương đương với 02 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà N phải trả đủ mỗi bát họ 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng/1 bát họ. Ngày 29/4/2022 bà P Thị N vay tiếp với Hoàng Văn T để đáo bát số tiền 20.000.000 đồng, Hoàng Văn T cắt lãi 5.000.000 đồng và yêu cầu bà N phải trả đủ 20.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Bà P Thị N đã trả 22.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 1.095.890 đồng, hưởng lợi bất chính 8.904.110 đồng.

* Bà Nguyễn Thị V thời gian vào ngày 16/4/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 10.000.000 đồng, tương đương với 01 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà V phải trả đủ 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng. Bà Nguyễn Thị V đã trả xong. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định nhà Nước là 273.973 đồng, hưởng lợi bất chính 2.226.027 đồng.

* Bà Nông Thị T thời gian vào ngày 10/4/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 10.000.000 đồng, tương đương với 01 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà Trinh phải trả đủ mỗi bát họ 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng/1 bát họ. Ngày 28/4/2022 bà Nông Thị T vay tiếp với Hoàng Văn T để đáo bát số tiền 20.000.000 đồng, Hoàng Văn T cắt lãi 5.000.000 đồng và yêu cầu bà N phải trả đủ 20.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Bà Nông Thị T đã trả xong. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 821.918 đồng, hưởng lợi bất chính 6.678.082 đồng.

* Bà Nguyễn Thị L thời gian vào các ngày 09/4/2022 và ngày 11/5/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 20.000.000 đồng, tương đương với 02 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà Lạng phải trả đủ 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng/1 bát. Bà Nguyễn Thị L đã trả 16.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định nhà Nước là 547.945 đồng, hưởng lợi bất chính 4.452.055 đồng.

* Bà Hoàng Thị P thời gian vào ngày 28/3/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 10.000.000 đồng, tương đương với 01 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà P phải trả đủ 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng. Bà Hoàng Thị P đã trả xong. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 273.973 đồng, hưởng lợi bất chính 2.226.027 đồng.

* Bà Trần Thị T thời gian vào các ngày 04/4/2022, 17/5/2022, 24/6/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 30.000.000 đồng, tương đương với 03 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà P phải trả đủ mỗi bát 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng/bát. Bà Trần Thị T đã trả 21.900.000 đồng, còn nợ 8.100.000 đồng. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 821.918 đồng, hưởng lợi bất chính 6.678.082 đồng.

* Bà Nông Thị T thời gian vào ngày 28/02/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 10.000.000 đồng, tương đương với 01 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.000.000 đồng/bát và yêu cầu bà T phải trả đủ 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng. Bà Nông Thị T đã trả xong. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 273.973 đồng, hưởng lợi bất chính 1.726.027 đồng.

* Bà Lương Thị B thời gian vào các ngày 13/4/2022, 13/5/2022, 13/6/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 25.000.000 đồng, tương đương với 2,5

bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà B phải trả đủ mỗi bát 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng/bát, bát vay 5.000.000 đồng thì trả 100.000 đồng/ngày. Bà Lương Thị B đã trả 12.000.000 đồng, còn nợ 13.000.000 đồng. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 684.932 đồng, hưởng lợi bất chính 5.565.068 đồng.

* Bà Đinh Ngọc V thời gian vào các ngày 13/4/2022, 18/5/2022 bà vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 40.000.000 đồng, tương đương với 04 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu bà V phải trả đủ mỗi bát 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng/bát. Bà Đinh Ngọc V đã trả 22.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 1.095.890 đồng, hưởng lợi bất chính 8.904.110 đồng.

* Ông Hoàng Văn Q thời gian vào các ngày 19/4/2022, 18/5/2022 vay của Hoàng Văn T tổng số tiền là 20.000.000 đồng, tương đương với 02 bát họ. Hoàng Văn T cắt lãi 2.500.000 đồng/bát và yêu cầu ông Q phải trả đủ mỗi bát 10.000.000 đồng trong 50 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng/bát. Ông Hoàng Văn Q đã trả xong. Hoàng Văn T được hưởng lợi là lãi suất trong quy định Nhà nước là 547.945 đồng, hưởng lợi bất chính 4.452.055 đồng.

Như vậy, từ tháng tháng 02/2022-8/2022, Hoàng Văn T đã có hành vi cho 11 người trên địa bàn thành phố L, huyện C vay lãi dưới hình thức “vay bát họ”. Tổng số tiền cho vay là 245.000.000 đồng với lãi suất từ 146% đến 183%/ năm, thu lãi hợp pháp là 6.712.329 đồng, thu lợi bất chính 54.037.671 đồng.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 138/CT-VKS ngày 21/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T giữ nguyên những lời khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng tháng 02/2022 đến tháng 8/2022, trên địa bàn thành phố L, tùy theo mối quan hệ và mức độ thân thiết bị cáo đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất khác nhau, trong đó bị cáo đã cho 11 người trên địa bàn thành phố L và huyện C vay lãi dưới hình thức “vay bát họ”. Tổng số tiền cho vay là 245.000.000 đồng với lãi suất từ 146% đến 183%/ năm, gấp 7,3 đến 9,15 lần lãi suất quy định, thu lãi hợp pháp là 6.712.329 đồng, thu lợi bất chính 54.037.671 đồng. Những người này đều vay tiền với bị cáo nhiều lần nhưng chưa có lần nào số tiền thu lợi bất chính đạt mức 30.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn cho những người tên “C”, “T” vay nhưng không nhớ rõ họ, địa chỉ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt họ đều có ý kiến giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, đều đề nghị xét xử bị cáo

theo quy định pháp luật. Chị Hoàng Quỳnh M, bà P Thị N, chị Nông Thị T, bà Nguyễn Thị L, chị Hoàng Thị P, bà Trần Thị T, chị Lương Thị B, chị Đinh Ngọc V yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi suất đã thu theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị V, chị Nông Thị T, ông Hoàng Văn Q trình bày số tiền lãi suất được bị cáo trả lại theo quy định, nhưng không yêu cầu lấy lại mà đề nghị sung vào N sách Nhà nước

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Không đề nghị khấu trừ thu nhập, không buộc bị cáo phải lao động công ích. Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng bị cáo đã tạm nộp tiền phạt.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Truy thu bị cáo Hoàng Văn T số tiền gốc bị cáo cho vay lãi nặng là 177.000.000 đồng để sung N sách Nhà nước.

- Truy thu đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền gốc bị cáo Hoàng Văn T cho vay lãi nặng để sung N sách Nhà nước, gồm: Chị Hoàng Quỳnh M 6.900.000 đồng, bà P Thị N 18.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị L 4.000.000 đồng, bà Trần Thị T 8.100.000 đồng, chị Lương Thị B 13.000.000 đồng, chị Đinh Ngọc V 18.000.000 đồng để sung N sách Nhà nước.

- Truy thu bị cáo Hoàng Văn T số tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền 6.712.329 đồng để sung N sách Nhà nước.

- Truy thu bị cáo Hoàng Văn T số tiền lãi những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được bị cáo trả lại nhưng không yêu cầu lấy lại mà đề nghị sung vào N sách nhà nước gồm: 2.226.027 đồng (*trả bà Nguyễn Thị V*); 1.726.027 đồng (*trả chị Nông Thị T*); 4.452.055 đồng (*trả ông Hoàng Văn Q*).

- Bị cáo Hoàng Văn T phải trả lại cho những người vay số tiền lãi bị cáo đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm, cụ thể: Trả lại chị Hoàng Quỳnh M 2.226.027 đồng, bà P Thị N 8.904.110 đồng, chị Nông Thị T 6.678.082 đồng, bà Nguyễn Thị L 4.452.055 đồng, chị Hoàng Thị P 2.226.027 đồng, bà Trần Thị T 6.678.082 đồng, chị Lương Thị B 5.565.068 đồng, chị Đinh Ngọc V 8.904.110 đồng. Bị cáo đã tạm nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, sau khi đối trừ bị cáo phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu theo quy định.

Vật chứng: Tịch thu để tiêu hủy 01 quyển sổ bì hoa văn kích thước 8,5cm x 13cm bên trong có 08 trang ghi nội dung; 01 quyển sổ bì màu xanh kích thước 15cm x 10cm, bên trong có 26 trang ghi nội dung; 01 tờ giấy A4 có ghi nội dung;

01 sổ hộ khẩu số 37005658 mang tên Trương Quốc T. Tịch thu để hóa giá sung N sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A32 màu đen. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 Prime, màu đen – xám, đều là máy cũ đã qua sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo biết hành vi bị cáo đã thực hiện là sai, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ được và T bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2022 - 8/2022, tại phường T, thành phố L, bị cáo Hoàng Văn T đã có hành vi cho 11 người trên địa bàn thành phố L và huyện C vay lãi dưới hình thức “vay bất họ”. Tổng số tiền 245.000.000 đồng với lãi suất từ 146% đến 183%/ năm, gấp 7,3 đến 9,15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lãi hợp pháp là 6.712.329 đồng, thu lợi bất chính 54.037.671 đồng. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, N hàng, gây mất trật tự trị an tại địa P, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn, điều đứng. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận trước

mất, muốn nhanh chóng có tiền tiêu sài bị cáo đã phạm tội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Ngoài lần phạm tội này bị cáo đã từng bị kết án, đã được xóa án tích, nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, tại nhận định của Bản án hình sự phúc thẩm số 78/2013/HSPT ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thì bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng giấy khen, trong giai đoạn xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả 30.000.000 đồng và tạm nộp tiền phạt 30.000.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên xử phạt bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương là phù hợp. Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và không buộc bị cáo phải lao động công ích.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội về kinh tế, hiện nay đang kinh doanh dịch vụ bi a, karaoke có thu nhập, nên cần xử phạt tiền là hình phạt bổ sung để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[11] Số tiền gốc bị cáo Hoàng Văn T cho vay lãi nặng 245.000.000 đồng là P tiện phạm tội, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước; trong đó số tiền những người vay đã trả lại cho bị cáo, cần truy thu từ bị cáo; những người vay chưa trả lại cho bị cáo, cần truy thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể: Truy thu bị cáo Hoàng Văn T 177.000.000 đồng; truy thu chị Hoàng Quỳnh M 6.900.000 đồng; bà P Thị N 18.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L 4.000.000 đồng; bà Trần Thị T 8.100.000 đồng; chị Lương Thị B 13.000.000 đồng; chị Đinh Ngọc V 18.000.000 đồng.

[12] Đối với số tiền lãi bị cáo Hoàng Văn T đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.712.329 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu sung ngân sách Nhà nước. Khoản này bị cáo Hoàng Văn T đã thu từ những người vay nên cần phải truy thu từ bị cáo.

[13] Đối với số tiền lãi bị cáo Hoàng Văn T đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm là 54.037.671 đồng, cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền bị cáo, cụ thể: Trả lại chị Hoàng Quỳnh M 2.226.027 đồng; bà P Thị N 8.904.110 đồng; chị Nông Thị T 6.678.082 đồng; bà Nguyễn Thị L 4.452.055 đồng; chị Hoàng Thị P 2.226.027 đồng; bà Trần Thị T 6.678.082 đồng; chị Lương Thị B 5.565.068 đồng; chị Đinh Ngọc V 8.904.110 đồng. Số tiền lãi suất những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được bị cáo trả lại nhưng không yêu cầu lấy lại gồm: Bà Nguyễn Thị V

2.226.027 đồng; chị Nông Thị T 1.726.027 đồng; ông Hoàng Văn Q 4.452.055 đồng, cần truy thu từ bị cáo để nộp N sách Nhà nước.

[14] Về vật chứng: Đối với 01 quyển sổ bìa hoa văn kích thước 8,5cm x 13cm bên trong có 08 trang ghi nội dung; 01 quyển sổ bìa màu xanh kích thước 15cm x10cm, bên trong có 26 trang ghi nội dung, không có nội dung liên quan đến vụ án, 01 sổ hộ khẩu số 37005658 mang tên Trương Quốc T, đều không có yêu cầu lấy lại, nên cần tịch thu để tiêu hủy. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A32 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, bị cáo dùng để liên lạc trao đổi, nhận chuyển khoản tiền trả của các đối tượng vay, nên cần tịch thu để hóa giá sung N sách nhà nước. 01 tờ giấy A4 có ghi nội dung; 09 tờ giấy vay tiền là tài liệu đã được lưu giữ tại hồ sơ theo quy định. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 Prime, màu đen – xám, đều là máy cũ đã qua sử dụng, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại bị cáo.

[15] Tại bảng thống kê của bị cáo thể hiện còn có người vay tên “C”, “T”, tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn T không nhớ rõ họ, chỉ nhớ người ghi tên C, khoảng 40 tuổi, địa chỉ tại cổng thôn P, xã H, thành phố L; người ghi tên T có tên là Toán, khoảng 45 tuổi, trú tại khu vực ngã ba Đ – T, phường C, thành phố L. Qua xác minh công dân tại địa P, thể hiện không có người có thông tin như trên cư trú, không có thông tin lai lịch cụ thể người tên “C”, “T” nên cơ quan điều tra không có căn cứ để làm rõ, xử lý trong vụ án.

[16] Đối với bà Triệu Mã L là vợ của bị cáo Hoàng Văn T, và Triệu Mã L không biết việc bị cáo sử dụng tài khoản mang tên bà để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Những người cho vay tiền đều khai chỉ được vay tiền với Hoàng Văn T, không có sự tham gia của bà Triệu Mã L nên không có căn cứ xác định bà Triệu Mã L đồng phạm với việc cho vay lãi nặng của bị cáo Hoàng Văn T.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Lạng Sơn về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các nội dung khác là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[19] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Hoàng Văn T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Bị cáo đã tạm nộp tiền phạt tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tại biên lai số AA/2021/0001255 ngày 21/11/2022. Xác nhận bị cáo đã thi hành xong.

4. Về biện pháp tư pháp

4.1. Truy thu, sung ngân sách Nhà nước từ bị cáo Hoàng Văn T số tiền 192.116.438đ (*một trăm chín mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng*), gồm các khoản tiền:

- Số tiền gốc bị cáo Hoàng Văn T cho vay lãi nặng 177.000.000đ (*một trăm bảy mươi bảy triệu đồng*).

- Số tiền lãi bị cáo Hoàng Văn T đã thu tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự 6.712.329đ (*sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*).

- Số tiền lãi 8.404.109đ (*tám triệu bốn trăm linh bốn nghìn một trăm linh chín đồng*) những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được bị cáo trả lại nhưng không yêu cầu lấy lại mà đề nghị sung vào ngân sách nhà nước gồm: 2.226.027đ (*hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng, là tiền trả bà Nguyễn Thị V*); 1.726.027đ (*một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng, là tiền trả chị Nông Thị T*); 4.452.055đ (*bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng, là tiền trả ông Hoàng Văn Q*).

4.2. Truy thu, sung ngân sách Nhà nước từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án khoản tiền gốc bị cáo Hoàng Văn T đã cho vay lãi nặng gồm:

- Truy thu chị Hoàng Quỳnh M 6.900.000đ (*sáu triệu chín trăm nghìn đồng*);

- Truy thu bà P Thị N 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*);
- Truy thu bà Nguyễn Thị L 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*);
- Truy thu bà Trần Thị T 8.100.000đ (*tám triệu một trăm nghìn đồng*);
- Truy thu chị Lương Thị B 13.000.000đ (*mười ba triệu đồng*);
- Truy thu chị Đinh Ngọc V 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*).

4.3. Buộc bị cáo trả lại những người vay số tiền lãi bị cáo đã thu vượt mức 20%/năm, tổng số tiền là 45.633.561 (*bốn mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi một đồng*), cụ thể trả lại những người sau:

- Trả lại chị Hoàng Quỳnh M 2.226.027đ (*hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*);
- Trả lại bà P Thị N 8.904.110đ (*tám triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng*);
- Trả lại chị Nông Thị T 6.678.082đ (*sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng*);
- Trả lại bà Nguyễn Thị L 4.452.055đ (*bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn không trăm năm mươi lăm đồng*);
- Trả lại chị Hoàng Thị P 2.226.027đ (*hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*);
- Trả lại bà Trần Thị T 6.678.082đ (*sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng*);
- Trả lại chị Lương Thị B 5.565.068đ (*năm triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*);
- Trả lại chị Đinh Ngọc V 8.904.110đ (*tám triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng*).

Bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả vụ án tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố L số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) tại biên lai số AA/2021/0001251 ngày 11/11/2022. Bị cáo còn phải thi hành nộp tiếp số tiền 15.633.561 (*mười lăm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi một đồng*).

5. Về xử lý vật chứng:

5.1. Tịch thu để tiêu hủy

- 01 quyển sổ bìa hoa văn kích thước 8,5cm x 13cm bên trong có 08 trang ghi nội dung;
- 01 quyển sổ bìa màu xanh kích thước 15cm x10cm, bên trong có 26 trang ghi nội dung;
- 01 sổ hộ khẩu số 37005658 mang tên Trương Quốc T.

5.2. Tịch thu để hóa giá sung N sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A32 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng

5.3. Trả lại bị cáo Hoàng Văn T:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12 màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 Prime, màu đen – xám, máy cũ đã qua sử dụng.

6. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng nêu trên được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TPLS, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh

